

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2018/HS-PT

Ngày: 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tiến;

Ông Mai Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 323/2018/TLPT-HS ngày 04/10/2018 đối với các bị cáo: Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trọng H1 về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HS-ST ngày 24/08/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh H (tên gọi khác: Dương Nhật T hay T dẹo): sinh ngày 06/3/1976 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ĐKKH thường trú: số nhà 67/184 đường B, phường 12, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th sinh năm 1953 và bà Huỳnh Thị Ph sinh năm 1951; có vợ là Nguyễn Thị Thu B2 (không đăng ký kết hôn) và 01 con. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giam từ ngày 30/8/2017. Có mặt.

2. Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1967 tại tỉnh Kon Tum. Nơi ĐKKH thường trú và chỗ ở: thôn 2, xã K1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H2 (đã chết) và bà Trần Thị A

sinh năm 1932; có vợ là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1968 và 05 người con. Tiền án, tiền sự: không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Hoàng Minh T1, Luật sư thuộc văn phòng luật sư M, Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum (bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng H1). Có mặt.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh năm 1957, nghề nghiệp: không; trú tại số 553/3 Đường H4, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Viết N, sinh năm: 1957, trú tại: tổ 5, phường N1, thành phố H5, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2016, Nguyễn Thanh H làm nghề kinh doanh gỗ tại ngã ba Thạch Trụ, thuộc huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Cũng trong thời gian này Nguyễn Trọng H1 lái xe ô tô thuê cho Nguyễn Thanh H. Đến đầu năm 2015, Nguyễn Thanh H bán xe ô tô riêng của mình, không còn xe để sử dụng; trong khi đó H có nhu cầu sử dụng xe ô tô con để đi giao dịch, làm ăn nên nhờ Nguyễn Trọng H1 tìm thuê xe tự lái. H1 đồng ý tìm thuê xe tự lái cho H và biết được bà Nguyễn Thị Ngọc A1 (sinh năm 1957, trú tại số 553/3 Đường H4, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có quan hệ họ hàng với H1) là chủ sở hữu xe ô tô loại KIA CAREN 07 chỗ ngồi biển số 82A-010.22X thường xuyên không sử dụng. H1 đặt vấn đề thuê xe tự lái và được bà A1 đồng ý. Thời gian trước tháng 10/2015, một mình H1 đến thuê xe của bà A1 theo ngày hoặc theo tuần để điều khiển chở H đi giao dịch, làm ăn. Tuy nhiên, thời gian sau đó do H có nhu cầu thuê xe dài ngày theo tháng, nên đến ngày 14/10/2015, Nguyễn Trọng H1 dẫn Nguyễn Thanh H đi đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc A1. Qua giới thiệu của H1, H thỏa thuận bằng miệng (không có viết giấy) thuê xe ô tô biển số 82A-010.22X của bà A1 trong thời hạn 01 tháng với giá 18.000.000/tháng và H trả trước cho bà A1 10.000.000 đồng tiền thuê xe. Bà A1 giao xe ô tô cùng giấy tờ xe (gồm giấy đăng ký, giấy chứng nhận đăng kiểm, bảo hiểm xe ô tô) cho H1 để chở H đi giao dịch làm ăn.

Đến hạn trả xe và tiền thuê xe, bà A1 và con bà A1 (tên là Nguyễn Thanh T) nhiều lần liên hệ H1 và H đòi lại xe, nhưng H1 và H vẫn không trả xe mà đi đến nhà bà A1 viết giấy mượn xe và hẹn đến ngày 25/12/2015 sẽ trả xe và tiền thuê xe cho bà A1 (giấy mượn xe, H ghi tên Dương Nhật Tâm và số chứng minh nhân dân của H). Sau ngày 25/12/2015, bà A1 nhiều lần liên hệ với H1 và H để đòi lại xe để

sử dụng trong dịp Tết Nguyên đán năm 2015, nhưng cả H1 và H vẫn không trả lại xe cho bà A1. Sau khi thuê được xe ô tô của bà A1, do cần tiền để mua gỗ, H nảy ra ý định mang xe ô tô thuê của bà A1 đi cầm cố để vay tiền. Có một lần (không nhớ rõ thời gian) Nguyễn Trọng H1 điều khiển xe ô tô 82A-010.22X đi từ tỉnh Quảng Ngãi về thành phố P, tỉnh Gia Lai, trên đường đi H nói H1 chở đến nhà ông Hồ Khánh Q1 (sinh năm 1973, ở đường TTT, thành phố P, tỉnh Gia Lai) để giới thiệu nơi cầm cố xe ô tô. Khi đến nhà ông Q1, H gặp bà Nguyễn Thị H5 (vợ ông Q1), bà H5 dẫn H đến nhà bà Trần Thị B3 (sinh năm 1973 ở đường TTT, thành phố P, tỉnh Gia Lai) gần đấy. Tại nhà bà B3, H nói với H1 là cần tiền mua gỗ để bán lại kiếm lời và bảo H1 đưa giấy tờ xe cho H để cầm cố xe ô tô vay tiền trong thời gian 10 ngày đến 15 ngày. Mặc dù H1 biết rất rõ nguồn gốc xe ô tô là của bà A1 và nhận thức được việc cầm cố xe ô tô này là vi phạm pháp luật, nhưng H1 vẫn lấy giấy tờ xe và xe ô tô giao cho bà B3 để cầm cố vay của bà B3 300.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này H nhận từ bà B3 và sử dụng vào mục đích cá nhân của mình. Thời gian sau đó vì mất khả năng trả nợ, H tắt liên lạc điện thoại và đến thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Long An lẩn trốn. Đến tháng 02/2016 bà A1 không liên lạc được với H nên liên hệ với H1 và H1 mới nói lên sự thật là đã cầm cố xe ô tô cho bà Trần Thị B3.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HS-ST ngày 24/08/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:**

Tuyên bố:

- Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trọng H1 phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng: khoản 3 Điều 175 (trước đây là khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999), khoản 3 Điều 7, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thanh H **08 (tám)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30/8/2017).

+ Áp dụng: khoản 3 Điều 175 (trước đây là khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999), khoản 3 Điều 7, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Trọng H1 **05 (năm)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Viết Tỷ, về phần án phí; quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 31 tháng 8 năm 2018 bị cáo Nguyễn Thanh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đến ngày 07 tháng 9 năm 2018 bị cáo Nguyễn Trọng H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Trọng H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Trọng H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu. Các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng H1 trình bày cho rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng thiếu tình tiết giảm nhẹ là điểm t khoản 1 Điều 51 cho bị cáo; đồng thời, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo H1 đã cung cấp cho Hội đồng xét xử các tài liệu thể hiện bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự làm nhiệm vụ quốc tế, được tặng Giấy khen và các Giấy khen của bị cáo trong quá trình tham gia các tổ chức ở địa phương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo H1 được hưởng án treo.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Trọng H1 đồng ý với ý kiến của Luật sư Hoàng Minh Tân.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thanh H: Mức hình phạt Toà án cấp sơ thẩm tuyên 08 năm tù là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của bị cáo như lần đầu phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo và bị cáo cũng đã đi nghĩa vụ quân sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H và Nguyễn Trọng H1 xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

[2]. Từ tháng 10/2015, dù đã quá thời hạn thuê xe theo như thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ngọc A1, nhưng bị cáo H đã cố tình không trả lại xe ô tô KIA CA REN 07 chỗ ngồi Biển số 82A-010.22X cho bà A1. Sau đó, do cần tiền làm ăn nên bị cáo H đã có hành vi cầm cố chiếc xe ô tô mà bị

cáo đã thuê của bà A1 với số tiền 300.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Trọng H1, là người được H thuê để trực tiếp lái chiếc xe Biển số 82A-010.22X và được bà A1 tin tưởng giao giữ các giấy tờ xe. H1 biết rõ chiếc xe này không thuộc sở hữu của H nhưng vẫn đồng ý và đưa giấy tờ xe cho H mang đi cầm cố. Mặc dù, không hưởng lợi gì từ việc cầm cố xe nhưng việc làm của H1 là giúp sức cho H thực hiện tội phạm. Sau đó, vì không có khả năng trả nợ nên H đã bỏ trốn.

[3]. Tại Bản Kết luận định giá số 01/KL-ĐG ngày 02/02/2018 và văn bản số 02/CV-HĐĐG ngày 16/7/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Kon Tum đã kết luận: Xe ô tô biển số 82A-010.22X tại thời điểm tháng 10/2015 có giá trị là: 460.468.800 đồng. Do vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định Nguyễn Thanh H và Nguyễn Trọng H1 đã có hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4]. Về áp dụng pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã áp dụng khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức án chỉ từ 05 năm đến 12 năm là theo nguyên tắc áp dụng điều luật có lợi hơn; bởi vì, theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức án từ 07 năm đến 15 năm là có căn cứ, đúng theo qui định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

[5]. Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét và vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo H, H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo H1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 05 con và nuôi mẹ già; do đó, đã áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, các bị cáo H, H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đã xử phạt bị cáo H 08 năm tù là có căn cứ; đối với bị cáo H1 bị xử phạt 05 năm tù là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo H1 phạm tội chỉ với vai trò là người giúp sức, không có ý thức lừa đảo để chiếm đoạt, bị lệ thuộc bị cáo H, không có hưởng lợi gì đối với số tiền chiếm đoạt. Mặc khác, sau khi bị cáo H bỏ trốn, H1 đã có ý thức khắc phục hậu quả là mua xe khác để thế chấp cho bà B3 lấy xe về trả lại cho bà A1 nhưng không được; đồng thời, tích cực giúp cơ quan điều tra đi tìm xe và chỉ chỗ thế chấp xe, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H1 đã cung cấp cho Hội đồng xét xử các tài liệu thể hiện bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự làm nhiệm vụ quốc tế sau năm 1975 theo Quyết định số 252/QĐ-BTL, được tặng Giấy khen và các Giấy khen của bị cáo trong quá trình tham gia các tổ chức ở địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án ở khung hình phạt liền kề cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để bị cáo thấy

được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo tốt, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật; bị cáo Nguyễn Trọng H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H, giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh H.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H1 sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24 /2018/HS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; khoản 3 Điều 7, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H **08 (tám)** năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30/8/2017).

Áp dụng khoản 3 Điều 175; khoản 3 Điều 7, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H1 03 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của Bản án hình

sự sơ thẩm số 24 /2018/HS-ST ngày 24/8/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- THA dân sự tỉnh Kon Tum;
- Các bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông